

Số: **65**/TTr-UBND

Quảng Trị, ngày **08** tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Điều chỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 7.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 22/3/2022 trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Tuy nhiên, để thuận lợi cho việc áp dụng mức thu liên quan đến lệ phí đăng ký kinh doanh, UBND tỉnh xin điều chỉnh dự thảo Nghị quyết đối với các nội dung liên quan đến lệ phí đăng ký kinh doanh thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh như sau:

I. Cơ sở pháp lý:

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh dự thảo Nghị quyết:

- Tại Phụ lục 01, phần B, mục IV của dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 22/3/2022 của UBND tỉnh quy định về Lệ phí đăng ký kinh doanh như sau:

IV	Lệ phí đăng ký kinh doanh		
1	Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
a)	Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh cá thể	Đồng/lần cấp	100.000
b)	Hợp tác xã, cơ sở giáo dục, đào tạo tư thực, dân lập, bán công, cơ sở y tế tư nhân, dân lập, cơ sở văn hóa thông tin do cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Đồng/lần cấp	200.000
c)	Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ sở giáo dục, đào tạo tư thực, dân lập, bán công, cơ sở y tế tư nhân, dân lập, cơ sở văn hóa thông tin do tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Đồng/lần cấp	200.000
d)	Lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	Đồng/lần cấp	200.000
e)	Trường hợp cấp đổi hoặc cấp lại giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (do mất, hư hỏng hoặc thay đổi điều kiện kinh doanh)	Đồng/lần cấp	50.000
g)	Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chứng nhận đăng ký hoạt động cho chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Đồng/lần chứng nhận	30.000
2	Lệ phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh	Đồng/lần cung cấp	15.000

Nay xin điều chỉnh lại:

IV	Lệ phí đăng ký kinh doanh		
1	Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh	Đồng/lần	100.000
2	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cấp lần đầu, khi chia, tách, hợp nhất, sát nhập)	Đồng/lần cấp	200.000
3	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Đồng/lần cấp	30.000

4	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng)	Đồng/lần cấp	30.000
5	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Đồng/lần cấp	30.000
6	Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cho chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Đồng/lần chứng nhận	30.000

(Kèm theo Báo cáo thuyết minh lý do đề nghị điều chỉnh dự thảo Nghị quyết)

III. Đánh giá tác động của việc chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết:

- Việc điều chỉnh nội dung thu và phân loại mức thu tương ứng của lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chỉ nhằm mục đích cụ thể hóa thủ tục hành chính và thuận tiện khi áp dụng, không làm ảnh hưởng nguồn thu của địa phương cũng như đối tượng nộp phí vì mức thu không thay đổi.

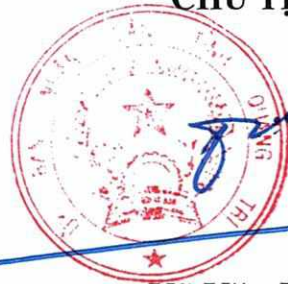
Trên đây là Tờ trình về điều chỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

(Gửi kèm theo Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh đã điều chỉnh).*N*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TCTM *M*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng

BÁO CÁO THUYẾT MINH LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

(Kèm theo Tờ trình số 65 /TTr-UBND ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh)

1. Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Qua rà soát nội dung Nghị định số 01/2021/NĐ-CP của Chính Phủ và Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư không còn sử dụng cụm từ “hộ kinh doanh cá thể”.

- Điều chỉnh các nội dung thu lệ phí đăng ký kinh doanh đối với các đối tượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) căn cứ trên các quy định sau:

+ Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định 193/2013/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan, Nghị quyết 30/2016/NQ-HĐND tỉnh ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã có Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Trị, trong đó chi tiết các thủ tục hành chính liên quan đến nội dung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và mức thu liên quan của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp (hộ kinh doanh). Cụ thể trong cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm cấp mới, cấp lại, cấp đổi, cấp khi chia tách, hợp nhất, sát nhập, giải thể, chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh. Trong khi đó, Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 22/3/2022 của UBND tỉnh chỉ quy định 2 nội dung chính là cấp và chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, không chi tiết nội dung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm những trường hợp nào. Để thuận tiện cho việc áp dụng mức thu đối với các thủ tục hành chính khi Nghị quyết được ban hành, UBND tỉnh đề nghị phân loại nội dung thu và mức thu chi tiết trên cơ sở mức thu hiện hành.

+ Về phân loại đối tượng để xác định mức thu, tại điểm g khoản 2 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính: “g) Lệ phí đăng ký kinh doanh là khoản thu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)”. Như vậy, chỉ có 3 đối tượng được phân loại là hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, không phân loại theo ngành nghề kinh doanh để quy định mức thu. Dự thảo Nghị quyết (kế thừa nội dung Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh) tại Phụ lục 01, phần B, mục IV, khoản 1, điểm b và c có phân loại đối tượng “cơ sở giáo dục, đào tạo tư thực, dân lập, bán công, cơ sở y tế tư nhân, dân lập, cơ sở văn hóa, thông tin” là không phù hợp. Do đó, xin bỏ cụm từ nói trên.

+ Quyết định số 79/QĐ-UBND của UBND tỉnh phân cấp lĩnh vực thành lập và hoạt động liên hiệp hợp tác xã do cấp tỉnh quản lý, lĩnh vực thành lập và hoạt động hợp tác xã do cấp huyện quản lý. Các tên gọi thủ tục hành chính và mức thu đều giống nhau ở cấp tỉnh và huyện. Do đó, xin quy định chung nội dung thu và mức thu trên toàn tỉnh.

- Bỏ lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và lệ phí cấp đổi hoặc cấp lại giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô căn cứ trên các quy định sau:

+ Tại điểm g khoản 2 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính: “g) Lệ phí đăng ký kinh doanh là khoản thu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)”. Như vậy, lệ phí đăng ký kinh doanh là khoản thu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chứ không phải là cấp giấy phép kinh doanh. Giấy phép kinh doanh là loại giấy được cấp cho các doanh nghiệp có kinh doanh ngành nghề có điều kiện, loại giấy này thường được cấp sau giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Tham khảo công bố thủ tục hành chính của các địa phương như Hà Nội, Thừa Thiên Huế..., nội dung thủ tục hành chính đối với cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô không thu lệ phí.

2. Lệ phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh:

- Bỏ lệ phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh do không đủ cơ sở pháp lý để đưa vào danh mục các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh, cụ thể như sau:

+ Qua nghiên cứu, rà soát các quy định tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chỉ có quy định về việc cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp (phải trả phí theo quy định Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp), không có quy định về cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh.

+ Ngoài ra, theo quy định tại Điều 23b Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch Đầu tư: “Thông tin đăng ký hợp tác xã được cung cấp công khai, miễn phí trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã (www.dangkykinhdoanh.gov.vn) bao gồm: tên hợp tác xã, mã số hợp tác xã, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, tên người đại diện theo pháp luật, tình trạng pháp lý của hợp tác xã”.

+ Rà soát danh mục thủ tục hành chính tại Quyết định số 79/QĐ-UBND của UBND tỉnh không có thủ tục hành chính liên quan.

- Tại điểm g khoản 2 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính: “g) Lệ phí đăng ký kinh doanh là khoản thu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)”. Như vậy, lệ phí đăng ký kinh doanh chỉ được thu khi cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không quy định thêm các nội dung công việc khác./.
